CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Ngày 31/12/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.5%	**-6.3%**	**5.7%**

DT thuần
Q4/25
310
tỷ VNĐ
QoQ: ▼57.0| -15.5%
YoY: ▼30.0| -8.8%

LN thuần
Q4/25
55.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.8| -48.9%
YoY: ▼37.9| -40.7%

LN sau thuế
Q4/25
49.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.2| -42.5%
YoY: ▼30.1| -38.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
15.8%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE
2025
2.2%
YoY: +/-▲ 0.2%

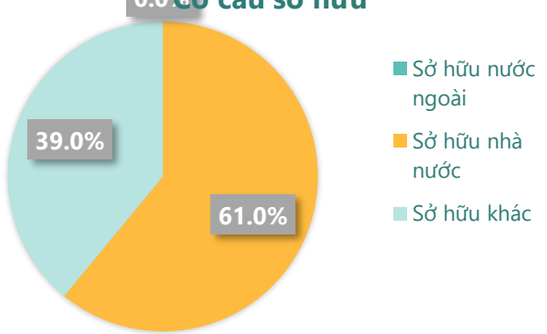
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,572 - 11,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,150
Số lượng CPLH (CP)	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,945
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.27
EPS	286
P/E	36.7

DT thuần
2025
1,045
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.0| 5.8%

LN thuần
2025
165
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0| 18.8%

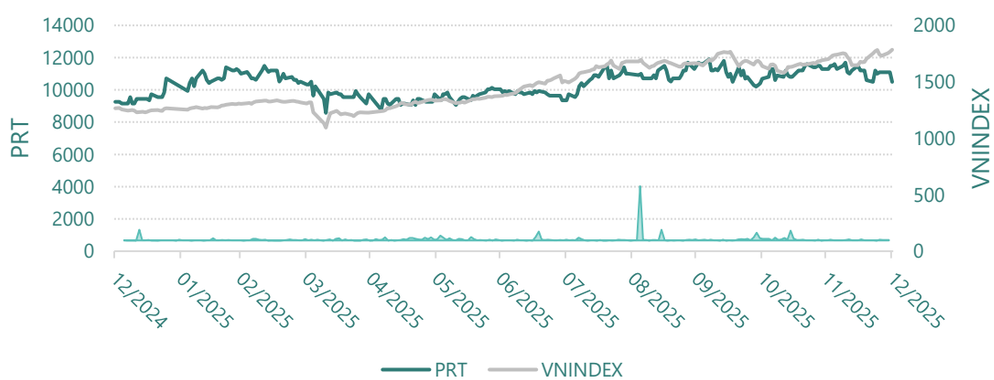
LN sau thuế
2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 2.2%

Cơ cấu sở hữu

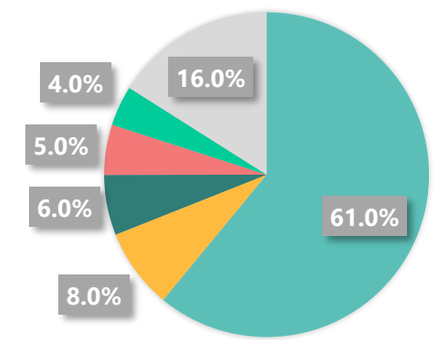


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



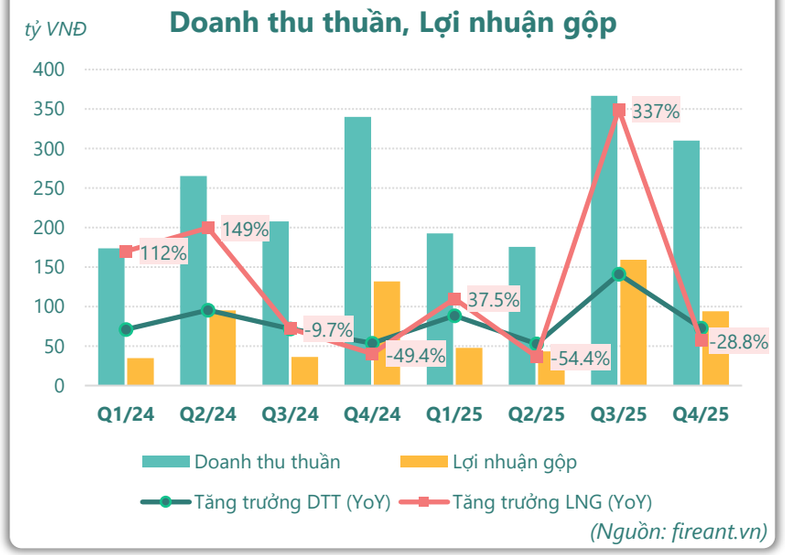
Cơ cấu cổ đông



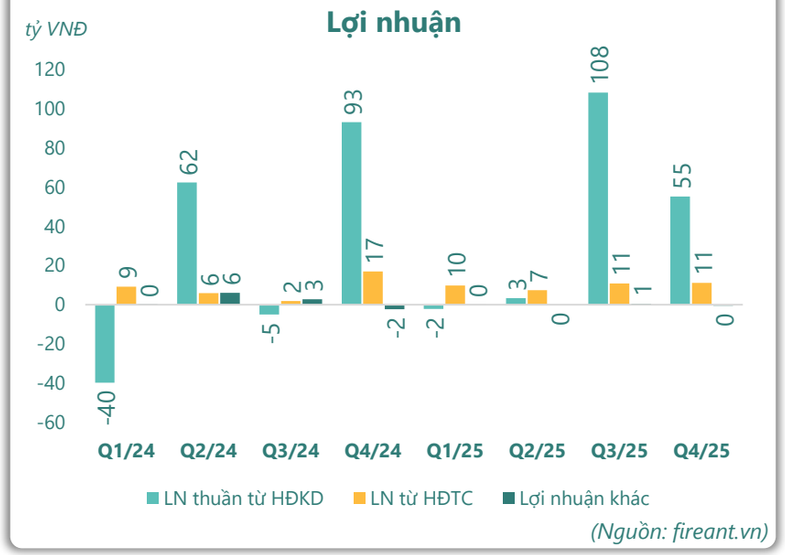
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương
- CTCP Sam Holdings
- CTCP Đầu tư U&I
- Trần Thị Thu Hà
- CTCP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

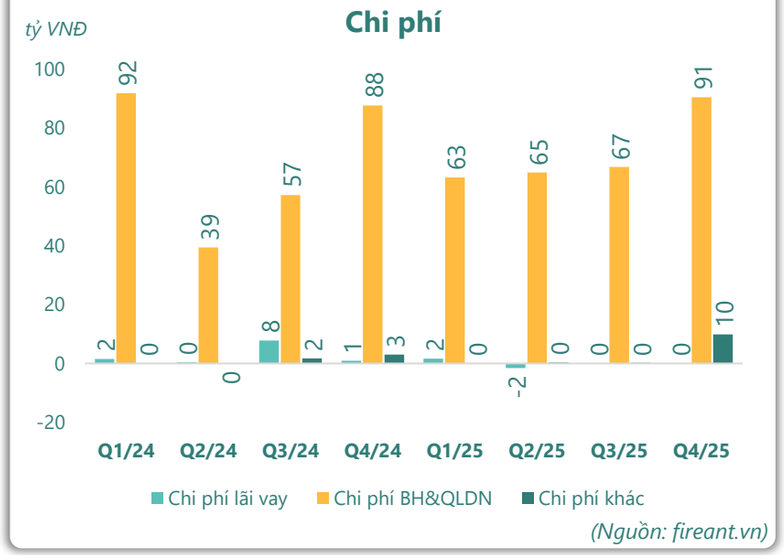
KẾT QUẢ KINH DOANH



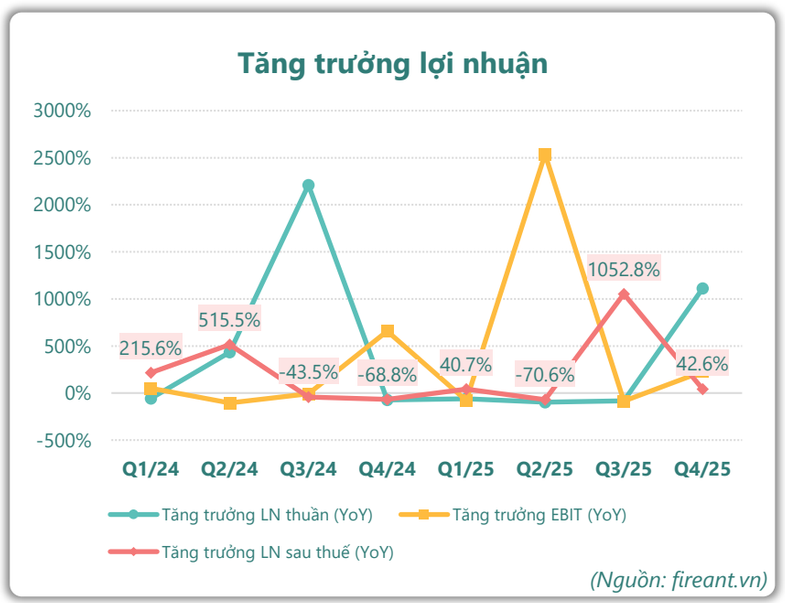
(Nguồn: fireant.vn)



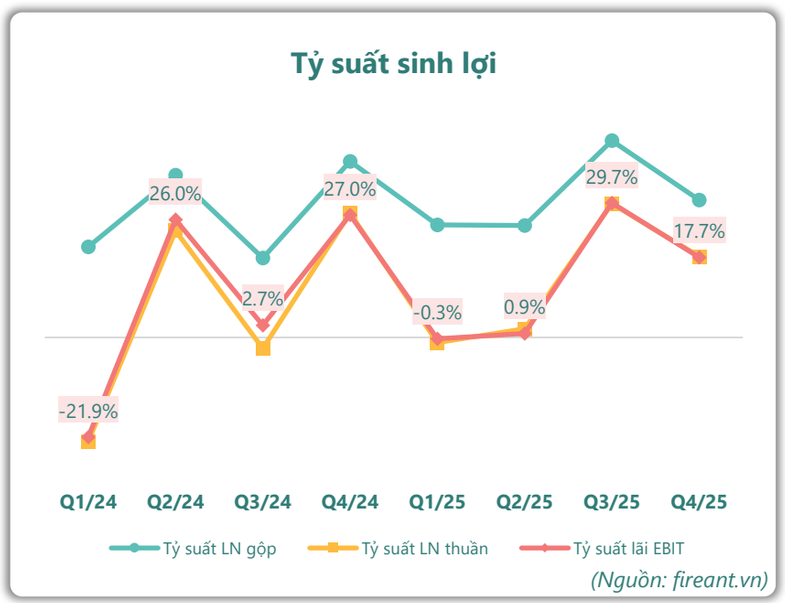
(Nguồn: fireant.vn)



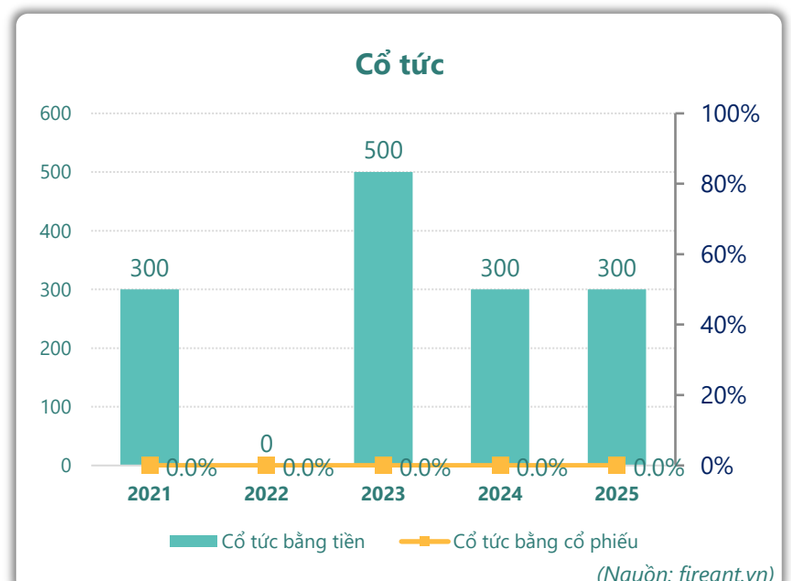
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



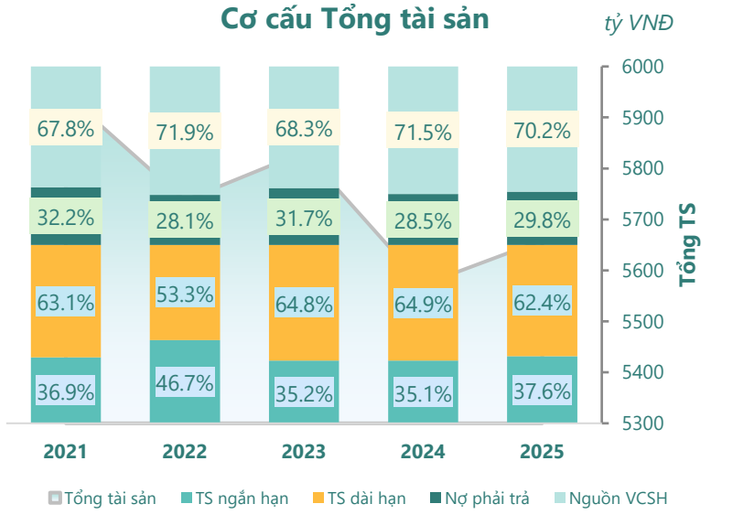
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

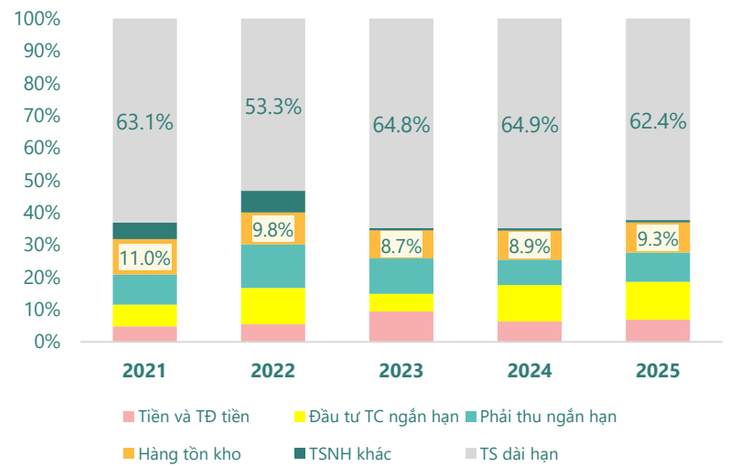
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



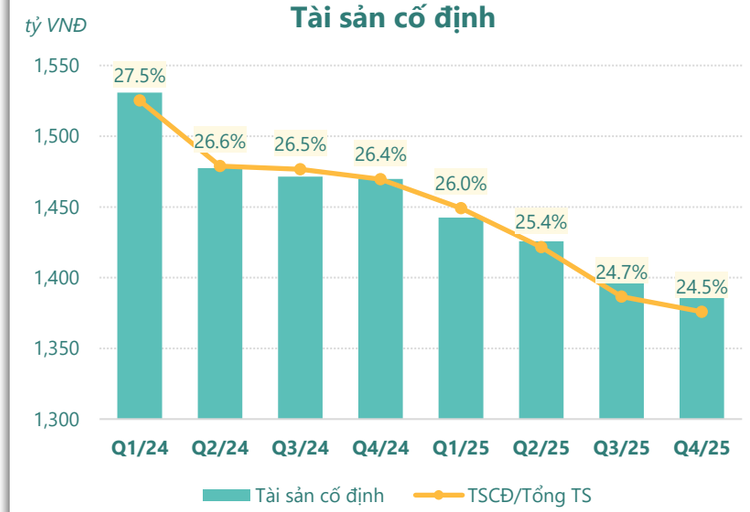
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



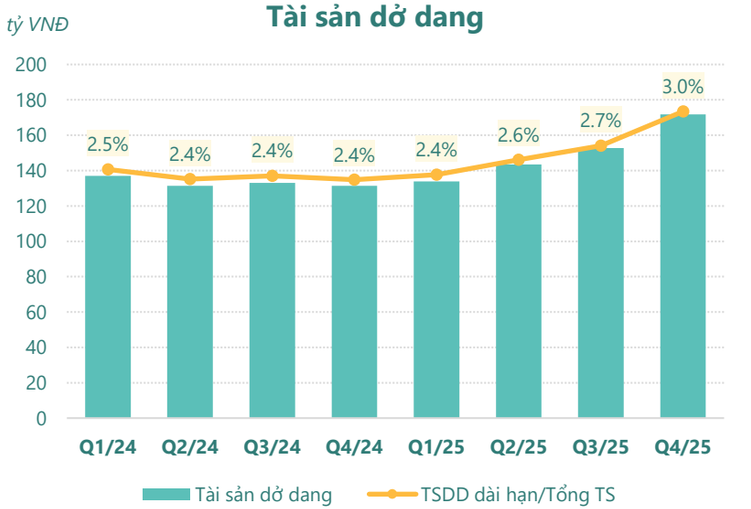
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



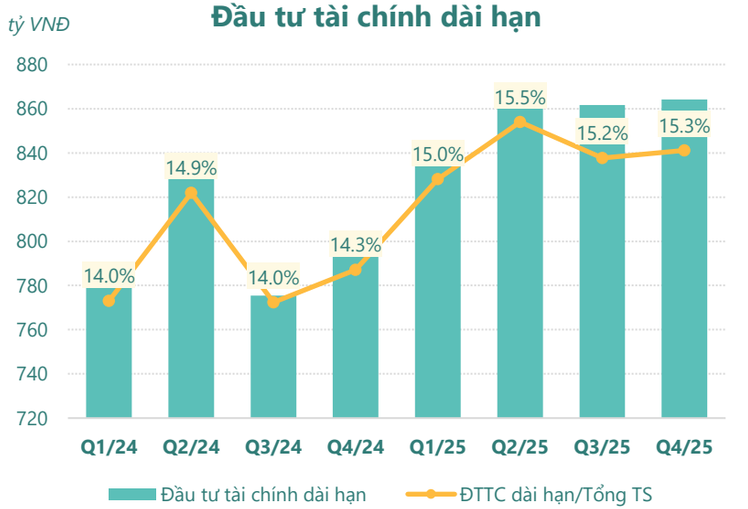
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



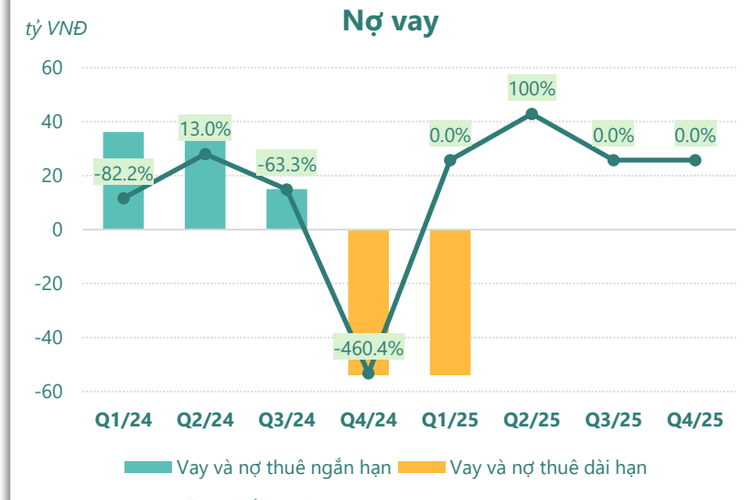
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

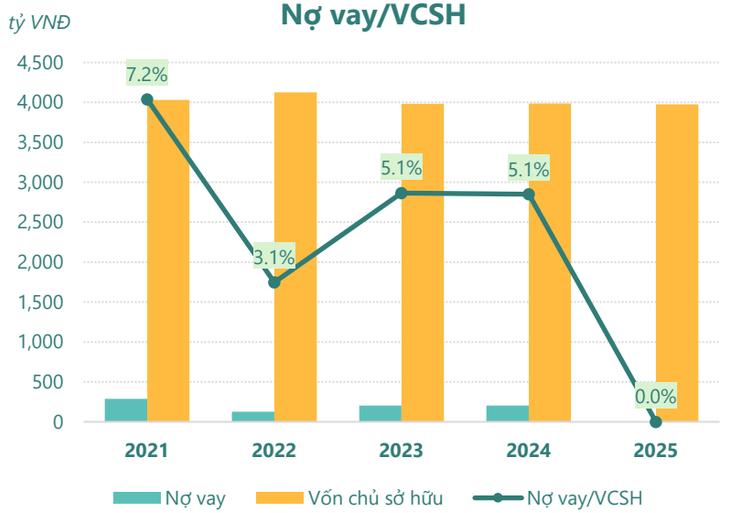
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

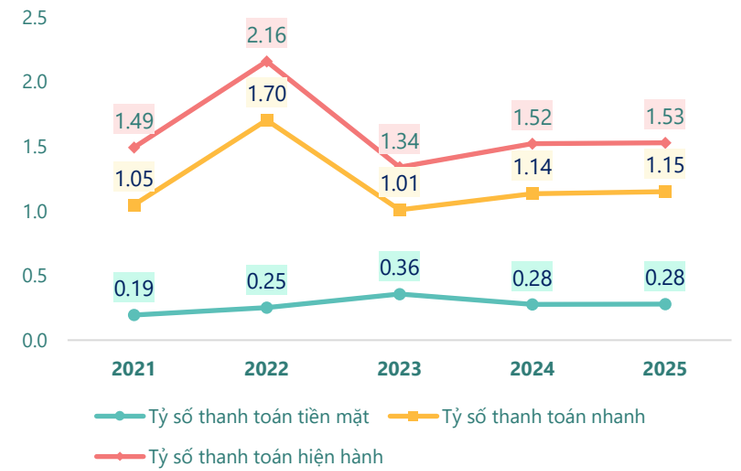
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



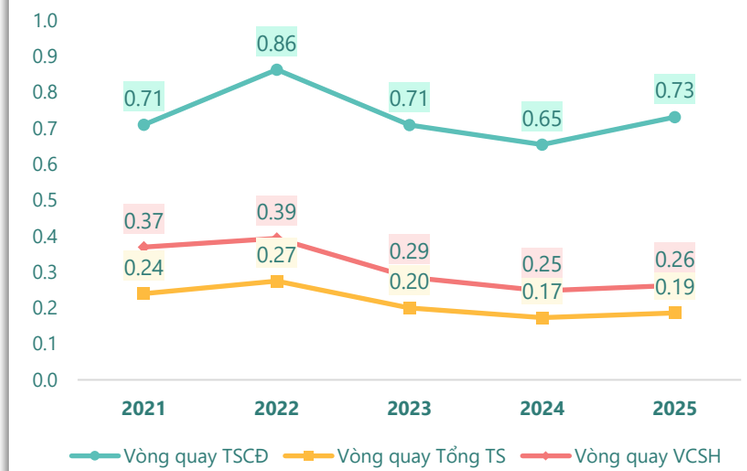
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



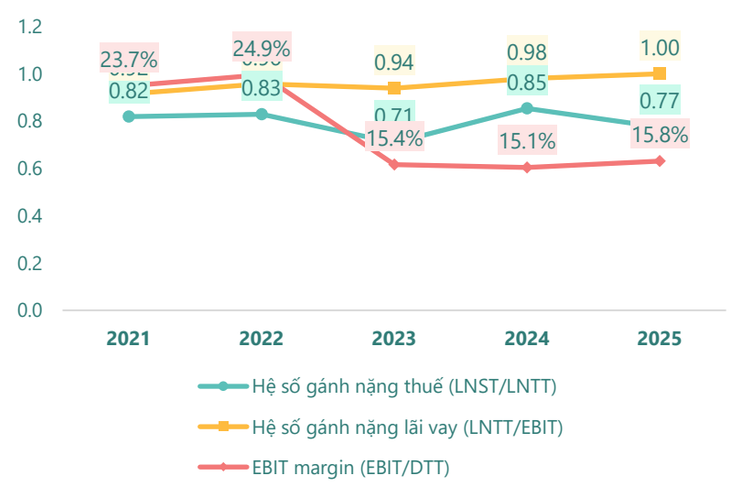
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



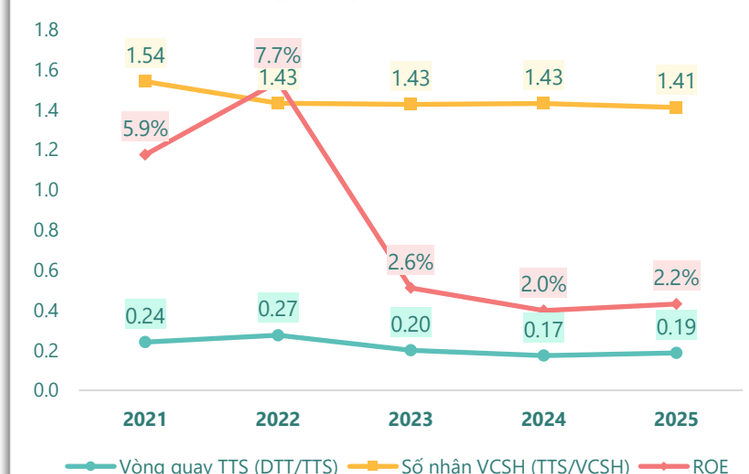
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



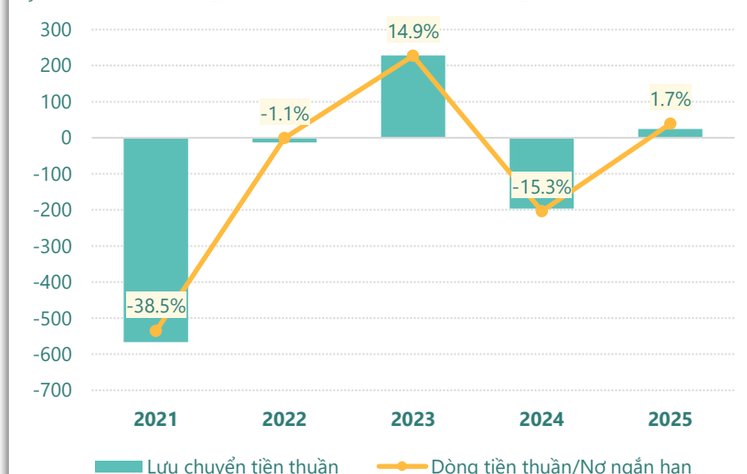
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**310**	**340**	**-8.8%**	**1,045**	**987**	**5.8%**
Giá vốn hàng bán	216	208	3.8%	700	687	1.9%
Lợi nhuận gộp	94.0	132	-28.8%	344	300	14.8%
Doanh thu HĐTC	13.1	-0.81	1721%	49.6	41.6	19.2%
Chi phí TC	2.02	-17.8	111%	10.5	8.48	24.1%
Chi phí lãi vay	0	0.92	-100%	0	3.03	-100%
LN trong công ty LKLD	**40.7**	**32.0**	**27.1%**	**67.0**	**77.5**	**-13.6%**
Chi phí bán hàng	12.9	10.3	25.4%	37.4	35.0	6.9%
Chi phí QLDN	**77.6**	**77.5**	**0.2%**	**248**	**237**	**4.8%**
LN thuần từ HĐKD	55.2	93.1	-40.7%	165	139	18.8%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**-2.24**	**78.5%**	**-0.03**	**7.39**	**-100%**
LN trước thuế	54.8	90.9	-39.8%	165	146	12.7%
Lợi nhuận sau thuế	**49.1**	**79.2**	**-38.0%**	**127**	**125**	**2.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**36.8**	**39.8**	**-7.5%**	**85.7**	**79.3**	**8.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	160	20.8	-2.24	-2.39	57.2	-30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	99.5	-57.2	-32.7	35.6	32.0	56.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-116	-16.0	0	0	0	-90.0
Tiền đầu kỳ	239	405	355	323	362	446
Lưu chuyển tiền thuần	**143**	**-52.4**	**-35.0**	**33.2**	**89.2**	**-63.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	22.0	2.53	2.87	6.27	-5.78	7.75
Tiền cuối kỳ	405	355	323	362	446	390

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,659**	**5,572**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,129	1,958	8.8%
Tiền và tương đương tiền	390	355	9.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	660	622	6.0%
Phải thu ngắn hạn	514	442	16.3%
Hàng tồn kho	527	498	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	38.2	40.5	-5.6%
Tài sản dài hạn	**3,530**	**3,614**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	830	901	-7.8%
Tài sản cố định	1,387	1,469	-5.6%
Bất động sản đầu tư	184	187	-1.7%
Tài sản dở dang	172	131	31.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	864	833	3.8%
Tài sản dài hạn khác	**92.8**	**93.6**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,685	1,586	6.2%
Nợ ngắn hạn	**1,393**	**1,286**	**8.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.2	25.4	-43.9%
Nợ dài hạn	292	300	-2.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	202	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,974**	**3,985**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,974**	**3,985**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)